

Số: **1807**/NĐĐT-KHVT

Quảng Ninh, ngày **30** tháng 5 năm 2025

V/v đề nghị báo giá cung cấp Vòng bi, gối đỡ,
phốt, dây curoa, xích các loại (lần 2)

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang chuẩn bị triển khai công tác sửa chữa lớn các thiết bị năm 2026. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá các loại vật tư, thiết bị theo phụ lục đính kèm (*có thể báo giá một hoặc một số hoặc toàn bộ vật tư, thiết bị theo khả năng cung cấp của mình*).

- Hồ sơ báo giá bao gồm:

+ Báo giá: do người đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá (*kèm theo giấy ủy quyền, quyết định hoặc tài liệu tương đương khác*).

+ Giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương, giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng được kinh doanh có điều kiện (nếu có).

+ Các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự với các hàng hóa báo giá (*kèm theo các tài liệu chứng minh đã thực hiện hoàn thành hợp đồng*).

- Yêu cầu đối với vật tư, thiết bị báo giá: cam kết vật tư, thiết bị là hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, có ký, mã hiệu, nhãn mác, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

- Địa điểm giao hàng: tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (*Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh*).

- Hiệu lực của báo giá: 120 ngày kể từ ngày báo giá.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (*Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266323; Fax: 0203.6266324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com*).

- Thời gian báo giá: chậm nhất đến 16 giờ 30 ngày 10/6/2025.

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên

phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

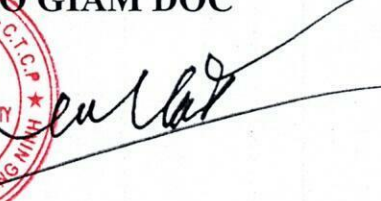
Trân trọng. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy, đề b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**


Vũ Văn Mão

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 1807 /NĐĐT-KHVT ngày 30/5/2025 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Gối đỡ	Mã hiệu: FYJ 50 TF của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
2	Vòng bi	Mã hiệu: YAR 210-2F của nhà sản xuất SKF	Cái	8,0			
3	Vòng bi	Mã hiệu: 6208/2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	24,0			
4	Vòng bi	Mã hiệu: 6207/2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	8,0			
5	Bộ gối trục	Mã hiệu: FYJ 60 TF của nhà sản xuất SKF (bao gồm gối trục + vòng bi)	Bộ	4,0			
6	Vòng bi	Mã hiệu: YET210 của nhà sản xuất SKF	Cái	12,0			
7	Bộ gối trục	Mã hiệu: FYJ20TF của nhà sản xuất SKF (bao gồm gối trục + vòng bi)	Bộ	624,0			
8	Vòng bi	Mã hiệu: 6016-Z của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
9	Vòng bi	Mã hiệu: 6206 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
10	Vòng bi	Mã hiệu: 6006 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
11	Phốt chắn dầu	Mã hiệu: 80x125x12 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
12	Phốt chắn dầu	Mã hiệu: 80x100x10 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
13	Phốt chắn dầu	Mã hiệu: 35x47x7 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
14	Phốt chắn dầu	Mã hiệu: 85x140x12 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
15	Phốt chắn dầu	Mã hiệu: 85x110x12 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
16	Vòng bi	Mã hiệu: 6306 của nhà sản xuất SKF	Cái	3,0			
17	Vòng bi	Mã hiệu: 6208 của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
18	Phốt chắn dầu	Mã hiệu: 28x47x7 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
19	Gối đỡ	Gối đỡ Mã hiệu: FYJ 50 TF của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
20	Vòng bi	Vòng bi Mã hiệu: YAR 210-2F của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
21	Vòng bi	Mã hiệu: 6016-2RS1 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
22	Vòng bi	Mã hiệu: 6005-2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
23	Vòng bi	Mã hiệu: 30307 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
24	Vòng bi	Mã hiệu: 30308 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
25	Vòng bi	Mã hiệu: 6206-2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	6,0			
26	Vòng bi	Mã hiệu: 6201-2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
27	Vòng bi	Mã hiệu 6208/2Z Của nhà sản xuất SKF	Cái	12,0			
28	Vòng bi	Mã hiệu 6207/2Z Của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
29	Vòng bi	Mã hiệu: 30219 của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			
30	Vòng bi	Mã hiệu: 30309 của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			
31	Vòng bi	Mã hiệu: 30310 của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
32	Phốt chắn dầu	Mã hiệu: 95x120x12 HMSA10RG của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			
33	Phốt chắn dầu	Mã hiệu: 95x170x13 HMSA10RG của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			
34	Bộ gối trục	Mã hiệu: FYJ70TF của nhà sản xuất SKF (bao gồm gối trục + vòng bi)	Bộ	2,0			
35	Phốt chắn dầu	Mã hiệu: 130x160x12 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			
36	Phốt chắn dầu	Mã hiệu: 80x105x10 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	8,0			
37	Vòng bi	Mã hiệu: 6409 của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
38	Vòng bi	Mã hiệu: 6215-2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	8,0			
39	Vòng bi	Mã hiệu: 6224 của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
40	Vòng bi	Mã hiệu: 23122-E1A-M của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			
41	Vòng bi	Mã hiệu: 22224 E/C3 của nhà sản xuất SKF	Cái	10,0			
42	Xích tải	Mã hiệu: PHC160-2 x 10FT của nhà sản xuất SKF	m	6,0			
43	Vòng bi	Mã hiệu: 6303-Z của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
44	Vòng bi	Mã hiệu: 6204-Z của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
45	Vòng bi	Mã hiệu: 6202-Z của nhà sản xuất SKF	Cái	6,0			
46	Phốt	Mã hiệu: 17x30x7 HMSA10RG của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
47	Phốt	Mã hiệu: 25x35x7 HMSA10RG của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
48	Phốt	Mã hiệu: 15x26x7 HMSA10RG của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
49	Vòng bi	Mã hiệu: 6205-2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
50	Vòng bi	Mã hiệu: 6206-Z của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
51	Vòng bi	Mã hiệu: 6306-Z của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
52	Vòng bi	Mã hiệu: 6308-2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
53	Vòng bi	Mã hiệu: 6307-2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	5,0			
54	Phốt	Mã hiệu: 35x52x7 HMSA10RG của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
55	Vòng bi	Mã hiệu: 6309-2RZ của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
56	Vòng bi	Mã hiệu: 23122 CC/W33 của nhà sản xuất SKF (có rãnh lắp phe gài trục 180x170,5x4 mm)	Cái	3,0			
57	Phốt	Mã hiệu: 130x160x12 HSMA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	3,0			
58	Xích tải	Mã hiệu: PHC 160-2x10FT của nhà sản xuất SKF	m	18,0			
59	Vòng bi	Mã hiệu: 23040 CCK/W33 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
60	Ổng lót côn rút	Mã hiệu: H3040 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
61	Vòng bi	Mã hiệu: 1211 EKTN9 của nhà sản xuất SKF	Cái	20,0			
62	Ổng lót	Mã hiệu: H211 của nhà sản xuất SKF	Cái	20,0			
63	Vòng bi	Mã hiệu: 23044 CCK/C3W33 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
64	Ổng lót	Mã hiệu: OH 3044H của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
65	Vòng bi	Mã hiệu: 22230 CCK/C3W33 của nhà sản xuất SKF	Cái	8,0			
66	Ổng lót	Mã hiệu: H3130 của nhà sản xuất SKF	Cái	8,0			
67	Dây curoa	Mã hiệu: PHG SPB 2500 của nhà sản xuất SKF	cái	10,0			
68	Dây curoa	Mã hiệu: PHG SPB 3450 của nhà sản xuất SKF	cái	10,0			
69	Vòng bi	Mã hiệu: 6306-RZ của nhà sản xuất SKF	Cái	8,0			
70	Vòng bi	Mã hiệu: 6212/C3 của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
71	Vòng bi	Mã hiệu: 6313 của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
72	Vòng bi	Mã hiệu: 6313-2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
73	Vòng bi	Mã hiệu: 6405 của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
74	Vòng bi	Mã hiệu: 309 của nhà sản xuất SKF	Cái	6,0			
75	Vòng bi	Mã hiệu: 6213 NR của nhà sản xuất SKF	Cái	5,0			
76	Vòng bi	Mã hiệu: 51212 của nhà sản xuất SKF	Cái	6,0			
77	Vòng bi	Mã hiệu: 6215 2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
78	Vòng bi	Mã hiệu: 6212 của nhà sản xuất SKF	Cái	6,0			
79	Phốt	Mã hiệu: 80x105x12 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
80	Phốt	Mã hiệu: 60x90x11 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
81	Phốt	Mã hiệu: 60x90x10 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
82	Vòng bi	Mã hiệu: 6008 của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			
83	Vòng bi	Mã hiệu: 6010 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
84	Phốt	Mã hiệu: 85x110x12 HMSA10 V của nhà sản xuất SKF	Cái	3,0			
85	Phốt	Mã hiệu: 25x42x10 HMS5 V của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			
86	Dây curoa	Thông số: PHG SPA1607 của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
87	Dây curoa	Thông số: PHG SPA1400 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
88	Vòng bi	Mã hiệu: NJ208 ECP của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
89	Vòng bi	Mã hiệu: 3208 A của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
90	Phốt	Phốt 48x70x10 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	8,0			
91	Phốt	Phốt 38x80x10 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
92	Dây curoa	Mã hiệu: PHG B70 của nhà sản xuất SKF	Cái	8,0			
93	Vòng bi	Mã hiệu: 6211N của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			
94	Vòng bi	Mã hiệu: RN 307 M của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
95	Vòng bi	Mã hiệu: RN 206M của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
96	Vòng bi	Mã hiệu: 6302-2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			
97	Vòng bi	Mã hiệu: 6207 của nhà sản xuất SKF	Cái	14,0			
98	Phốt	Mã hiệu: 45x65x10 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	8,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
99	Vòng bi	Mã hiệu: 3308 A-2RS1 của nhà sản xuất SKF	Cái	9,0			
100	Vòng bi	Mã hiệu: 6309-2RS1 của nhà sản xuất SKF	Cái	13,0			
101	Vòng bi	Mã hiệu: 6310-2RS1 của nhà sản xuất SKF	Cái	22,0			
102	Vòng bi	Mã hiệu: 7309 BECBM của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
103	Vòng bi	Mã hiệu: 6201-2RSH của nhà sản xuất SKF	Cái	16,0			
104	Vòng bi	Mã hiệu: 6202-2RS1 của nhà sản xuất SKF	Cái	18,0			
105	Vòng bi	Mã hiệu: 6204-2RS1 của nhà sản xuất SKF	Cái	7,0			
106	Vòng bi	Mã hiệu: 6206-2RS1 của nhà sản xuất SKF	Cái	22,0			
107	Vòng bi	Mã hiệu: 6306-2RS1 của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
108	Vòng bi	Mã hiệu: 6205-RZ của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
109	Vòng bi	Mã hiệu: 6208-2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	6,0			
110	Vòng bi	Mã hiệu: 6208-2RS1 của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
111	Vòng bi	Mã hiệu: 6309-2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	16,0			
112	Vòng bi	Mã hiệu: 6211/C3 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
113	Vòng bi	Mã hiệu: 6211-2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
114	Vòng bi	Mã hiệu: 7312B của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			
115	Vòng bi	Mã hiệu: 6310-2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	7,0			
116	Vòng bi	Mã hiệu: 6313/C3 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
117	Vòng bi	Mã hiệu: 6312/C3 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
118	Phốt làm kín	Mã hiệu: 28x48x8 HMSA7R của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			
119	Vòng bi	Mã hiệu: 3207 ATN9 của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
120	Vòng bi	Mã hiệu: NJ207 ECP của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
121	Phốt	Mã hiệu: 42x62x10 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	8,0			
122	Dây curoa	Mã hiệu: PHG 3V630 của nhà sản xuất SKF	Cái	8,0			
123	Vòng bi	Mã hiệu: 6201 2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			
124	Phốt	Mã hiệu: 15x30x7 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			
125	Vòng bi	Mã hiệu: 6305 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
126	Phốt	Mã hiệu: 25x45x7 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
127	Vòng bi	Mã hiệu: 3308A-2RS1 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
128	Phốt	Mã hiệu: 50x68x8 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	10,0			
129	Vòng bi	Mã hiệu: 6307 của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			
130	Vòng bi	Mã hiệu: 6204-2RSH của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
131	Vòng bi	Mã hiệu: 6202-RZ của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
132	Vòng bi	Mã hiệu: 6206-RZ của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
133	Vòng bi	Mã hiệu: 6205-2RS1 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
134	Vòng bi	Mã hiệu: 6309-RZ của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
135	Vòng bi	Mã hiệu: 6207-2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	3,0			
136	Vòng bi	Mã hiệu: 6209-RZ của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
137	Vòng bi	Mã hiệu: 32206 của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			
138	Phốt	Thông số: 30x45x8 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	3,0			
139	Dây curoa	Mã hiệu: PHG A37 của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
140	Phốt	Mã hiệu: 35x56x10 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
141	Vòng bi	Mã hiệu: 6308-2RS1 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
142	Vòng bi	Mã hiệu: 6201 của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
143	Vòng bi	Mã hiệu: 6306-2Z/C3 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
144	Vòng bi	Mã hiệu: 6309/C3 của nhà sản xuất SKF	Cái	6,0			
145	Vòng bi	Mã hiệu: 6201-Z của nhà sản xuất SKF	Cái	14,0			
146	Vòng bi	Mã hiệu: 6319/C3 của nhà sản xuất SKF	Cái	16,0			
147	Phốt	Mã hiệu: 95x125x12 HSMA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	32,0			
148	Vòng bi	Mã hiệu: HR 30308J của nhà sản xuất NSK	Cái	2,0			
149	Vòng bi	Mã hiệu: 32208 của nhà sản xuất NTN	Cái	2,0			
150	Vòng bi	Mã hiệu: HR 30307J của nhà sản xuất NSK	Cái	4,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
151	Vòng bi	Mã hiệu: 6018E-2Z của nhà sản xuất NSK	Cái	4,0			
152	Vòng bi	Mã hiệu: 6318 của nhà sản xuất NSK	Cái	4,0			
153	Vòng bi	Mã hiệu: RN 222M của hãng sản xuất XLZY	Cái	2,0			
154	Vòng bi	Mã hiệu: RN 222M của nhà sản xuất XLZY	Cái	6,0			
155	Vòng bi	Mã hiệu: 23126 EMD1C3 của nhà sản xuất NTN	Cái	2,0			
156	Vòng bi	Mã hiệu: 6212/C3 của nhà sản xuất FAG	Cái	4,0			
157	Vòng bi	Mã hiệu: 6312/C3 của nhà sản xuất FAG	Cái	4,0			
158	Vòng bi	Mã hiệu: SNR 6017 của nhà sản xuất NTN	Cái	1,0			
159	Vòng bi	Mã hiệu: 6216 của nhà sản xuất NSK	Cái	1,0			
160	Vòng bi	Mã hiệu: NU 220 của nhà sản xuất NSK	Cái	1,0			
161	Vòng bi	Mã hiệu: 6205 ZZ của nhà sản xuất NSK	Cái	1,0			
162	Vòng bi	Mã hiệu: 7216A của nhà sản xuất NSK	Cái	1,0			
163	Vòng bi	Mã hiệu: 6220/C3 của nhà sản xuất NSK	Cái	1,0			
164	Vòng bi	Mã hiệu: NU 1017 của nhà sản xuất NSK	Cái	1,0			
165	Vòng bi	Mã hiệu: RN 205M của nhà sản xuất NTN	Cái	6,0			
166	Phốt	Thông số: 95x120x12, loại TC của nhà sản xuất NAK	Cái	4,0			
167	Phốt	Thông số: 65x90x8, loại TC của nhà sản xuất NAK	Cái	1,0			
168	Phốt	Phốt chặn dầu lò xo, vật liệu cao su NBR chịu dầu	Cái	2,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		chịu nhiệt, kích thước: 65x90x12, loại TC					
169	Phốt	Phốt chặn dầu lò xo, vật liệu cao su NBR chịu dầu chịu nhiệt, kích thước: 55x80x12, loại TC	Cái	1,0			
170	Phốt	Phốt chặn dầu lò xo, vật liệu cao su NBR chịu dầu chịu nhiệt, kích thước: 32x72x10, loại TC	Cái	2,0			
171	Phốt	Kích thước: 35x51x10, loại TC	Cái	1,0			
172	Phốt chặn dầu	Loại: 9RB, kích thước: 70x92x5,5	Cái	16,0			
	Tổng						
	Thuế GTGT 10%						
	Tổng cộng						